

Bản án số: **57/2021/HS-ST**  
Ngày 16/4/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Lê Tuấn Linh

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Ma Quốc Thử

2. Ông Phạm Văn Vượng

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà:**  
Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 26/02/1986 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: thôn G, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Công K (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Con: có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

**- Nhân thân:**

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Văn Đ 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 02/01/2019 Nguyễn Văn Đ chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Ngày 27/8/2020, Nguyễn Văn Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 13/11/2020, Nguyễn Văn Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 14/12/2020, Nguyễn Văn Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**2. Bùi Khắc T**, sinh ngày 23/8/1986 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: thôn L, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Khắc T, sinh năm 1950 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Con: chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Khắc T 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 200.000 đồng án phí HSST, truy thu 9.500.000 đồng. Ngày 17/3/2013, chấp hành xong hình phạt tù. Hiện chưa chấp hành phần dân sự của bản án.

- Nhân thân:

+ Ngày 13/11/2020, Bùi Khắc T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 23/11/2020, Bùi Khắc T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**3. Hoàng Văn Kim**, sinh ngày 30/5/1985 tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Trú tại: thôn K, xã C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn D, sinh năm 1959 và bà Phan Thị O (tên gọi khác Phan Thị T), sinh năm 1958; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 171/HSST ngày 26/9/2008 của TAND thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, phải chịu 50.000 đồng án phí HSST, 50.000 đồng án phí HSPT và bồi thường cho bị hại số tiền 80.000 đồng. Ngày 24/11/2008, Hoàng Văn K đã thi hành xong khoản thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với khoản bồi thường cho bị hại, hiện chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

+ Ngày 23/11/2020, Hoàng Văn K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**4. Lưu Đức M**, sinh ngày 06/5/1989 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: thôn G, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Đức D, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; Vợ: Cao Thị M, sinh năm 1990; Con: có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Lưu Đức M 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 11/01/2019, Lưu

Đức M chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Ngày 27/8/2020, Lưu Đức M bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu khởi tố về Tội Trộm cắp tài sản.

Bị can đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

**\* Người bị hại:**

1. Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1978, trú tại xóm phố L, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

2. Anh Lê Anh D, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

3. Anh Mai Quốc Kh, sinh năm 1982, trú tại xóm x, xã T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

4. Ông Trần Trọng H, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

5. Ông Trần Hoài Â, sinh năm 1971; trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

6. Ông Phạm Đức T, sinh năm 1975; trú tại tổ x, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Ông Hoàng Văn V, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03 năm 2020, Lưu Đức M, sinh năm 1989, trú tại thôn G, xã P, huyện Sơn Dương thỏa thuận với Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (trú cùng thôn với M) về việc Đ trộm cắp được hộp đen, bảng taplo của máy xúc thì đưa cho M đi bán. Sau đó Đ và Bùi Khắc T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã V, huyện Sơn Dương; Hoàng Văn K, sinh năm 1985, trú tại thôn K, xã C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cùng rủ nhau đi trộm cắp hộp đen và bảng taplo máy xúc để đưa cho M bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong các lần trộm cắp tài sản, các đối tượng đều sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 22B2-385.xx của Nguyễn Văn Đ làm phương tiện trộm cắp tài sản và 01 kéo cắt kim loại; găng tay vải màu đen; dao dọc giấy, tuốc nơ vít, mỏ lết, cờ lê được để sẵn trong cốp xe mô tô làm dụng cụ trộm cắp tài sản.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2020 đến ngày 26/8/2020, Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M đã nhiều lần cùng nhau trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sơn Dương. Cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 20/4/2020, Bùi Khắc T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B2 - 385.59 chở Hoàng Văn K từ nhà Đ đi đến công trường mỏ đá Cao Lanh thuộc thôn T, xã H, huyện Sơn Dương quan sát thấy máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC-200-6 của ông Phạm Hồng H, sinh năm 1978, trú tại xóm phố L, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, không có người trông coi. Thấy vậy T dừng xe mô tô để K đi vào vị trí máy đào bánh xích trộm cắp 01 hộp đen

và 01 bảng taplo, còn T điều khiển xe mô tô đi cách vị trí máy đào bánh xích khoảng 01 km. Sau khi trộm cắp được tài sản, T gọi điện thoại cho K quay lại đón rồi cùng nhau đi về nhà Đ và đưa tài sản vừa trộm cắp cho Đ để đưa M đem đi bán. Sau khi nhận được tài sản vừa trộm cắp M bán cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ được số tiền 13.000.000 đồng, M đưa lại cho Đ 10.000.000 đồng, Đ đưa cho T và K mỗi người 5.000.000 đồng. Số tiền trên, M, T và K đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 127/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 29/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận giá trị của 01 hộp đen và 01 bảng taplo của máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC-200-6 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*).

- **Lần 2:** Ngày 28/5/2020, với hình thức và thủ đoạn như trên, tại khu vực thôn C, xã H, huyện Sơn Dương, Hoàng Văn K và Nguyễn Văn Đ đã trộm cắp 01 hộp đen của máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE của anh Lê Anh D, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã H, huyện Sơn Dương (Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản). Sau đó Đ đưa hộp đen trên cho M rồi M bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 13.000.000 đồng, M đưa cho Đ 8.000.000 đồng, Đ và K chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng. Số tiền trên Đ, M và K đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 126/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 18/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận giá trị của 01 hộp đen máy đào bánh xích loại nhỏ nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 24.000.000 đồng (*Hai mươi tư triệu đồng*).

- **Lần 3:** Ngày 09/6/2020, với hình thức và thủ đoạn như trên, tại Công trường của Công ty X tại thôn K, xã P, huyện Sơn Dương, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ đã trộm cắp được 01 bảng taplo và 01 cục nguồn cabin máy lạnh của máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC78UU-6E0 của ông Phạm Đức T, sinh năm 1975; trú tại tổ x, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản). Sau đó Đ đưa cho M tài sản trộm cắp rồi M bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 3.000.000 đồng, M đưa toàn bộ số tiền cho Đ, Đ và T chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng. Số tiền trên, Đ và T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 18/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận giá trị của 01 bảng taplo và 01 cục nguồn ca bin máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC78UU-6E0 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 15.200.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*).

- **Lần 4:** Ngày 26/8/2020, với hình thức và thủ đoạn như trên, tại khu vực thôn S, xã Q, huyện Sơn Dương, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ đã trộm cắp 01 hộp đen, 01 bảng taplo của máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 200-07 của ông Trần Trọng H, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã P, huyện Sơn Dương (Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản). Khi T và Đ đang trên đường đem tài sản trộm cắp được đưa cho M đi bán thì bị Công an huyện Sơn Dương phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá số 95/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 27/8/2020 của

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: 01 hộp đen, 01 bảng taplo máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC200-07 trị giá 33.000.000 đồng.

Ngoài những lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện Sơn Dương, các bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 03/2020 đến tháng 8/2020 còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp hộp đen và bảng taplo điều khiển của máy xúc trên địa bàn tỉnh Lai Châu; tỉnh Sơn La; tỉnh Cao Bằng; huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 24/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã có công văn thông báo đến Cơ quan CSĐT Công an các huyện, tỉnh trên.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSSD, ngày 07/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M theo tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm đoạn 1, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Khắc T.

1. Xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020.

2. Xử phạt: Bùi Khắc T từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn K.

3. Xử phạt: Hoàng Văn K từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/10/2020.

4. Xử phạt: Lưu Đức M từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số đăng ký 22B2-385.59 của bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Nokia 105, bên trong có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm xe mô tô màu xám phần trên có chữ và Logo Honda Tiến Thành, 01 túi đeo chéo màu đen, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 CMND, 01 chiếc găng tay vải màu đen và số tiền 1.182.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Bùi Khắc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm màu xanh có chữ Honda Linh Lực, 01 ví giả da màu nâu, 02 găng tay vải màu đen và số tiền 511.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu Noika 105, 02 sim Viettel, 01 sim Vinaphone, 01 ví giả da màu đen nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy 01 kéo cắt kim loại chiều dài 16 cm, phần chuôi kéo bằng cao su màu đỏ - đen, phần chuôi kéo có chữ LICOTA;

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Các bị hai ông Phạm Hồng H, anh Lê Anh D, ông Phạm Đức T, yêu cầu các bị cáo bồi thường theo kết luận định giá tài sản. Cụ thể:

Bị hại Phạm Hồng Hà yêu cầu các bị cáo Đ, T, K, M liên đới bồi thường số tiền 33.000.000 đồng.

Bị hại Lê Anh D yêu cầu các bị cáo Đ, K, M liên đới bồi thường số tiền 24.000.000 đồng;

Bị hại Phạm Đức T yêu cầu các bị cáo Đ, T, M liên đới bồi thường số tiền 15.200.000 đồng; Bị hại ông T xác định tài sản bị trộm cắp là tài sản chung của ông và ông Mai Quốc Kh. Tại giai đoạn điều tra và tại Tòa án ông Kh đã ủy quyền cho ông tham gia giải quyết toàn bộ vụ việc.

Bị hại Trần Trọng H xác định tài sản bị trộm cắp là tài sản chung của ông và ông Trần Hoài Â. Tại giai đoạn điều tra và tại Tòa án ông Â đã ủy quyền cho ông tham gia giải quyết toàn bộ vụ việc. Đến nay bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Về phần hình phạt các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về phần bồi thường dân sự, tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí liên đới bồi thường cho các bị hại theo như kết luận định giá tài sản. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, ông Hoàng Văn V trình bày lời bào chữa: Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về nội dung vụ án:**

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản xác minh hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại cùng toàn bộ

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2020 đến ngày 26/8/2020, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sơn Dương. Trong đó: Đ và T cùng nhau trộm cắp 02 lần; T và K cùng nhau trộm cắp 01 lần; Đ và K cùng nhau trộm cắp 01 lần. Trước đó Lưu Đức M thỏa thuận trước với Đ về việc trộm cắp được tài sản thì đưa cho M đi bán, M đã 03 lần giúp sức bán tài sản do Đ, T, K trộm cắp. Tổng số tiền Nguyễn Văn Đ trộm cắp tài sản là 105.200.000 đồng; Tổng số tiền Bùi Khắc T trộm cắp tài sản là 81.200.000 đồng; Tổng số tiền Hoàng Văn K trộm cắp tài sản là 57.000.000 đồng; Tổng số tiền Lưu Đức M trộm cắp tài sản là 72.200.000 đồng. Cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 20/4/2020, tại khu vực công trường mỏ đá Cao Lanh thuộc thôn T, xã H, huyện Sơn Dương, Bùi Khắc T và Hoàng Văn K trộm cắp 01 hộp đen và 01 bảng taplo máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC-200-6 trị giá 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) của ông Phạm Hồng H, sinh năm 1978, trú tại xóm phố L, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- **Lần 2:** Ngày 28/5/2020, tại khu vực thôn C, xã H, huyện Sơn Dương, Hoàng Văn K và Nguyễn Văn Đ trộm cắp 01 hộp đen máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE trị giá 24.000.000 đồng (*Hai mươi tư triệu đồng*) của anh Lê Anh D, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã H, huyện Sơn Dương.

- **Lần 3:** Ngày 09/6/2020, tại Công trường của Công ty X tại thôn K, xã P, huyện Sơn Dương, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ trộm cắp 01 bảng taplo và 01 cục nguồn Cabin máy lạnh của máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC78UU-6E0 trị giá 15.200.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) của ông Phạm Đức T, sinh năm 1975; trú tại tổ x, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Trong ba lần trên, sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo Đ, T, K đã đưa cho M đem đi tiêu thụ.

- **Lần 4:** Ngày 26/8/2020, tại khu vực thôn S, xã Q, huyện Sơn Dương, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ trộm cắp 01 hộp đen, 01 bảng taplo của máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 200-07 trị giá 33.000.000 đồng của ông Trần Trọng H, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã P, huyện Sơn Dương. Khi T và Đ đang trên đường đem tài sản trộm cắp được đưa cho M đi bán thì bị Công an huyện Sơn Dương phát hiện và bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M đã phạm vào tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Với mục đích vụ lợi các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Vì vậy cần phải có mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo được thể hiện là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia trộm cắp với tổng số tiền 105.200.000 đồng, trong đó có 03 lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp (02 lần trộm cắp cùng T, 01 lần trộm cắp cùng K), 01 lần tham gia với vai trò đồng phạm. Tổng số tiền và số lần bị cáo trộm cắp nhiều hơn các bị cáo còn lại nên xác định bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án. Về nhân thân, năm 2018 bị xét xử về tội Đánh bạc, năm 2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Bùi Khắc T tham gia trộm cắp với tổng số tiền 81.200.000 đồng, trong đó có 03 lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp (02 lần trộm cắp cùng Đ, 01 lần trộm cắp cùng K). Tổng số tiền và số lần trộm cắp chỉ sau bị cáo Đ nên xác định bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Về nhân thân năm 2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Nên cần xử phạt bị cáo mức án tương đương với bị cáo Đ.

Bị cáo Hoàng Văn K tham gia trộm cắp với tổng số tiền 57.000.000 đồng, 02 lần trực tiếp trộm cắp (01 lần trộm cắp cùng T và 01 lần trộm cắp cùng Đ). Bị cáo có vai trò thứ ba, sau bị cáo Đ và T. Về nhân thân, năm 2008 bị xét xử về tội Cướp tài sản, năm 2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Lưu Đức M tuy không trực tiếp tham gia trộm cắp nhưng bị cáo là người mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Bị cáo là đồng phạm trong vụ án, với tổng số tiền trộm cắp là 72.200.000 đồng. Xét vai trò của bị cáo là ngang với bị cáo K. Về nhân thân, năm 2018 bị xét xử về tội Đánh bạc, năm 2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

### **[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo Bùi Khắc T lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 và đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có ông ngoại là Nguyễn Quang T được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba và là liệt sỹ; bị cáo Bùi Khắc T có ông nội là Bùi Khắc N được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Hoàng Văn K có ông nội là Hoàng Văn N được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để lên một mức án phù hợp.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** Xét các bị cáo đều không có tài sản gì riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

### **[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra**



viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:**

Những bị hại ông Phạm Hồng H, anh Lê Anh D, ông Phạm Đức T yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cụ thể như sau:

1. Bị hại Phạm Hồng H yêu cầu các bị cáo Đ, T, K, M liên đới bồi thường số tiền 33.000.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 1/4 giá trị tài sản chiếm đoạt.

2. Bị hại Lê Anh D yêu cầu các bị cáo Đ, K, M liên đới bồi thường số tiền 24.000.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 1/3 giá trị tài sản chiếm đoạt.

3. Bị hại Phạm Đức T yêu cầu các bị cáo Đ, T, M liên đới bồi thường số tiền 15.200.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 1/3 giá trị tài sản chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều nhất trí liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại, cụ thể:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phạm Đức T số tiền 5.067.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Đ phải bồi thường cho các bị hại là 21.317.000 đồng.

2. Bị cáo Bùi Khắc T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phạm Đức T 5.067.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại là 13.317.000 đồng.

3. Bị cáo Hoàng Văn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo K phải bồi thường cho các bị hại là 16.250.000 đồng.

4. Bị cáo Lưu Đức M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phạm Đức T số tiền 5.066.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo M phải bồi thường cho các bị hại là 21.316.000 đồng.

Xét giữa những bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau phần bồi thường dân sự. Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[7] Về vật chứng vụ án:**

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số đăng ký 22B2-385.59, 01 kéo cắt kim loại chiều dài 16 cm, phần chuôi kéo bằng cao su màu đỏ - đen, phần chuôi kéo có chữ LICOTA, 01 điện thoại di động Nokia 105, bên trong có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm xe mô tô màu xám phần trên

cỡ chữ và Logo Honda Tiến Thành, 01 túi đeo chéo màu đen, 01 chiếc găng tay vải màu đen, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 CMND của Nguyễn Văn Đ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, 02 găng tay vải màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu xanh có chữ Honda Linh Lực, 01 ví giả da màu nâu của Bùi Khắc T;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Noika 105, 02 sim Viettel, 01 sim Vinaphone, 01 ví giả da màu đen của Hoàng Văn K;

- Số tiền 1.693.000 đồng (trong đó: Thu giữ của Nguyễn Văn Đ số tiền 1.182.000 đồng, thu giữ của Bùi Khắc T số tiền 511.000 đồng).

- 01 hộp đen, 01 bảng taplo máy xúc nhãn hiệu KOMATSU;

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số đăng ký 22B2-385.59 của bị cáo Nguyễn Văn Đ, do bị cáo thường xuyên sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Nokia 105, bên trong có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm xe mô tô màu xám phần trên cỡ chữ và Logo Honda Tiến Thành, 01 túi đeo chéo màu đen, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 CMND, 01 chiếc găng tay vải màu đen và số tiền 1.182.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Bùi Khắc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm màu xanh có chữ Honda Linh Lực, 01 ví giả da màu nâu, 02 găng tay vải màu đen và số tiền 511.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu Noika 105, 02 sim Viettel, 01 sim Vinaphone, 01 ví giả da màu đen không liên quan đến việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy 01 kéo cắt kim loại chiều dài 16 cm, phần chuôi kéo bằng cao su màu đỏ - đen, phần chuôi kéo có chữ LICOTA do là tang vật của vụ án và không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 hộp đen, 01 bảng taplo máy xúc nhãn hiệu KOMATSU là tang vật của vụ án, đã xác định được chủ sở hữu là ông Trần Trọng H. Ngày 01/9/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã trả lại cho ông Trần Trọng H nên HĐXX không xem xét.

**[8]** Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

**[9]** Các vấn đề khác: Đối với những người mua tài sản trộm cắp từ Lưu Đức M, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể không có căn cứ điều tra, xử lý nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I.** Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Khắc T, Hoàng Văn K, Lưu Đức M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

## II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm đoạn 1, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Khắc T.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ 03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020.

2. Xử phạt: Bị cáo **Bùi Khắc T 03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/8/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn K.

3. Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn K 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/10/2020.

4. Xử phạt: Bị cáo **Lưu Đức M 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

**III.** Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đức T số tiền 5.067.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng); Tổng số tiền bị cáo Đ phải bồi thường cho các bị hại là 21.317.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng).

- Bị cáo Bùi Khắc T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đức T số tiền 5.067.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng); Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại là 13.317.000đ (Mười ba triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng).

- Bị cáo Hoàng Văn K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo K phải bồi thường cho các bị hại là 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Lưu Đức M có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Phạm Hồng H số tiền 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại Lê Anh D số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đức T số tiền 5.066.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo M phải bồi thường cho các bị hại là 21.316.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

*Khoản tiền bồi thường dân sự kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468*

*của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**IV. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số đăng ký 22B2-385.59 của bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 kéo cắt kim loại chiều dài 16 cm, phần chuôi kéo bằng cao su màu đỏ - đen, phần chuôi kéo có chữ LICOTA.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia 105, bên trong có lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm xe mô tô màu xám phần trên có chữ và Logo Honda Tiến Thành, 01 túi đeo chéo màu đen, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 chiếc găng tay vải màu đen nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Khắc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 8, 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, 01 mũ bảo hiểm màu xanh có chữ Honda Linh Lực, 01 ví giả da màu nâu, 02 găng tay vải màu đen nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu Noika 105, 02 sim Viettel, 01 sim Vinaphone, 01 ví giả da màu đen nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương lập ngày 11/01/2021).*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 1.182.000đ (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Khắc T số tiền 511.000đ (Năm trăm mười một nghìn đồng) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương ngày 08/01/2021).

**V. Về án phí và quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.065.850đ (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí là 1.265.850đ (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Bùi Khắc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình

sự sơ thẩm và 665.850đ (Sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí là 865.850đ (Tám trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng);

- Bị cáo Hoàng Văn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 812.500đ (Tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí là 1.012.500đ (Một triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

- Bị cáo Lưu Đức M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.065.800đ (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí là 1.265.800đ (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm đồng);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã P, V, huyện SD;
- UBND xã C, tp Cẩm Phả;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Tuấn Linh**













